TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Yến L sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội A, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số B, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K sinh năm 1978

Địa chỉ: Đội A, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Phạm Thị Yến L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Yến L và ông Nguyễn Đình K quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng gần nửa năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/7/2004.

Theo bà L, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông K thường xuyên uống rượu rồi có những lời lẽ xúc phạm bà L, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát nhưng không để lại thương tích, mặc dù bà L đã nhiều lần khuyên ông K thay đổi nhưng không có kết quả. Từ ngày 01/01/2022 cho đến nay, bà L và con gái (cháu T) đã dọn về nhà cha mẹ đẻ của bà L sống. Thời gian đầu vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn nên bà L đã quyết định nộp đơn ly hôn đến Tòa án. Tuy nhiên, ông K lại nhiều lần vô cớ "gây chuyện" với bà L làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14/02/2014. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu N cho ông K nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung*:* Bà Phạm Thị Yến L khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Bà Phạm Thị Yến L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26 tháng 12 năm 2022, bị đơn - ông Nguyễn Đình K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K không có ý kiến.

Về con chung: Ông K yêu cầu được nuôi cháu N và đồng ý giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Ông Nguyễn Đình K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Yến L được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

+ Về con chung: Giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Yến L và ông Nguyễn Đình K tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/7/2004, căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, bà L và ông K đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này mặc dù không được ông K thừa nhận nhưng phù hợp với kết quả xác minh ngày 23/11/2022 tại Công an xã G, huyện T:*"... Hiện nay chỉ còn ông K và cháu N sinh sống tại địa chỉ Đội A, ấp V, xã G, huyện T; còn bà L và cháu T đã chuyển đi nơi khác sinh sống..."*, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T: *"... Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông K, bà L ... hiện nay cháu N đang trực tiếp sống chung nhà với ông K và được ông K chăm sóc ổn định, còn cháu T đang sống với bà L ..."* và tại Ban ấp V, huyện T: *"... Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng bà L và ông K có xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần cãi vã, thậm chí còn đánh nhau nhưng nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không nắm được ... Hiện nay bà L và ông K không còn sống chung nhà với nhau từ đầu năm 2022 đến nay ... hiện cháu N đang sống với ông K, còn cháu T đang sống với bà L ... do ông K đang làm công nhân tại Khu công nghiệp L nên thường xuyên vắng nhà ..."*. Mặt

khác, mặc dù ông K không có ý kiến về quan hệ hôn nhân nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng ông K đều không đến thể hiện việc ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà L.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa bà L và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Bà L và ông K có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14/02/2014.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Hiện cháu T đang sống với bà L và cháu N đang sống cùng với ông K nên để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, phù hợp ý kiến của ông K và nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử xét cần giao cháu N cho ông K và giao cháu T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà L và ông K hiện đều có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung và không bên nào có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L và ông K xác định không có nợ chung, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phạm Thị Yến L.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Phạm Thị Yến L và ông Nguyễn Đình K được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1 Giao cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 01/8/2007 cho bà Phạm Thị Yến L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 14/02/2014 cho ông Nguyễn Đình K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3 *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4 Bà Phạm Thị Yến L và ông Nguyễn Đình K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Yến L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008932 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà Phạm Thị Yến L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã G, huyện T;
  (GCNKH số 99/2004)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang